

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN THANH TRỊ **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 20-11-2018.
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Võ Tấn Nga.

- Ông Trần Văn Dá.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị T, sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hùng S, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp theo quy định pháp luật cho bị đơn: Bà Huỳnh Kim N, sinh năm 1943. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người làm chứng:

1. Ông Bùi Thanh U, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp P, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Lâm Văn P, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp P, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bà Lâm Thị Thu T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp P, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.
(tất cả người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2018 cũng như tại phiên toà nguyên đơn bà Dương Thị T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Hùng S cưới nhau năm 1999, đến năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 30/7/2009. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống do ông S không chăm sóc gia đình, cách đây khoảng 3,4 năm ông S có biểu hiện khác thường, ông nói nhảm, mắng chửi một mình, cách nay một hai năm thì có biểu hiện trầm trọng hơn, ông không nhận thức được bản thân ông là ai, có khi ông S thức chửi, nói nhảm suốt đêm... từ đó dẫn đến tinh thần bà bị ảnh hưởng trầm trọng, đã nhiều năm nay bà một mình đi buôn bán nuôi con và ông S nhưng về nhà không thể nghỉ ngơi vì hành vi của ông S như trên, việc chung sống với ông S làm ảnh hưởng đến tinh thần của bà, bà cũng không an tâm ngay cả khi ngủ vì lo sợ hành vi bất thường của ông S sẽ gây nguy hiểm, bà cũng không còn tình cảm với ông S, đã sống ly thân khoảng ba bốn năm nay. Cuộc sống hôn nhân của bà không còn hạnh phúc, bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hùng S.

Về con chung: Bà và ông S có 03 người con chung tên Nguyễn Phú L, sinh ngày 20/11/2000; cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 30/6/2009; cháu Nguyễn Phú Đ, sinh ngày 11/7/2011 hiện các con đang sống chung với bà T và ông S, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và cháu Đ, còn cháu L đã trưởng thành có khả năng tự sinh sống, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hùng S: Không có văn bản trình bày ý kiến, Ngày 19/10/2018 Tòa án tiến hành gặp ông S để ghi lời khai, tuy nhiên ông S trình bày không đúng nội dung câu hỏi nên không ghi nhận được.

Người đại diện theo pháp luật cho ông S, bà Huỳnh Kim N: Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/6/2018 trình bày bà là mẹ ông S, ông S bị bệnh về thần kinh và thường hay nói nhảm, ông không nhận biết được cha mẹ và bản thân của ông, tuy nhiên ông S không chịu đi điều trị vì cho rằng ông không có bệnh. Bà có khuyên bà T không nên ly hôn nhưng bà T không đồng ý.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông S, giao con cho bà T nuôi dưỡng, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Toà án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham gia phiên tòa đối với bị đơn ông Nguyễn Hùng S, người đại diện theo quy định pháp luật cho bị đơn là bà Nguyễn Kim N (mẹ ông S). Nhận thấy đây là phiên tòa lần thứ hai, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị T với ông Nguyễn Hùng S tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 30/7/2009 nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng qua kết quả xác minh cho thấy hiện nay ông S có biểu hiện mắc bệnh không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, hay nói nhảm, mắng chửi một mình..., với những biểu hiện về hành vi như trên của ông S cũng như việc ông S không chấp nhận điều trị bệnh làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần của bà T như bà trình bày là sự việc có thật, do vậy việc bà T yêu cầu được ly hôn do cuộc sống không hạnh phúc và nếu tiếp tục chung sống sẽ ảnh hưởng đến tinh thần của bà, bà không thể an tâm sinh sống, buôn bán để lo cho các con là có cơ sở, do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho bà được ly hôn là phù hợp theo quy định pháp luật tại khoản 3 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về yêu cầu nuôi con chung: Bà T và ông S có ba người con chung, cháu Nguyễn Phú L, sinh ngày 20/11/2000, tuy nhiên cháu L đã trưởng thành, còn cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 30/6/2009, cháu Nguyễn Phú Đ, sinh ngày 11/7/2011 còn nhỏ, hiện các con đang sống chung bà T và ông S, ông S có biểu hiện mắc bệnh không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, bà T có khả năng lao động tạo ra thu nhập nuôi các con, do Hội đồng xét xử giao con cho bà T được quyền nuôi con là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Bà Dương Thị T là người khởi kiện nên phải chịu án phí hôn nhân 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 56, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Dương Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Hùng S.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 30/6/2009, cháu Nguyễn Phú Đ, sinh ngày 11/7/2011 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Hùng S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở ông S thực hiện quyền này.

Về án phí: Nguyên đơn bà Dương Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0009143 ngày 08/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, bà T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy Ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Bích Phượng